

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:439/2023/HS-PT

Ngày: 23/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Chí Công,

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường,
ông Phạm Tồn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 373/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn M về tội “*Giả mạo trong công tác*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Phạm Minh T, sinh ngày 30/4/1981 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Đ, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Hiệu trưởng Trường T12; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Xuân P và bà Mai Thị Ngọc T1; có vợ là Nguyễn Thị Yến L và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022, đến ngày 12/01/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn M, sinh ngày 29/12/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Xóm F, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Phó Trưởng phòng đào tạo, Trường T12; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn C và bà Phạm Thị C1; có vợ Phạm Thị C2 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự:

không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 12/01/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Minh T: Ông Phạm Lý H - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Đ; địa chỉ: Số A N, phường N, quận H, Thành phố Đà Nẵng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến đầu năm 2022, các học viên sau khi lên mạng Internet hoặc trực tiếp thấy Trường T12 có trụ sở tại số A đường L, thành phố Q thông báo chiêu sinh nên đã đến liên hệ để học một số ngành hệ Trung cấp. Phạm Minh T - Hiệu trưởng vì mục đích muốn có tiền để hoạt động của Nhà trường nên đã bàn bạc, thống nhất và chỉ đạo Nguyễn Văn M – Phó phòng đào tạo, thực hiện việc cấp bằng cho học viên mà không cần phải thực hiện quy trình tuyển sinh, đào tạo, tuy nhiên yêu cầu học viên phải làm các bài thi để hoàn thiện hồ sơ và đóng tiền học phí (học phí thu không theo cơ sở, căn cứ nào, thu từ 5.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng một học viên). Những học viên trên được T, M thông báo lý do không phải học vì lớp mà các học viên muốn học đã học gần xong, nếu muốn cấp bằng chung đợt thì phải làm bài thi bổ sung hoặc nếu các học viên đã có Bảng điểm của các văn bằng trước đó đã từng học tại các trường khác thì sẽ được phiên ngang hoặc do tình hình dịch C3 - 19 không học tập trung, vì vậy các học viên đều suy nghĩ vậy là bình thường nên đồng ý.

Nguyễn Văn M lên mạng Internet tải đề thi theo Chương trình khung của Bộ G, yêu cầu một số nhân viên Phòng Đào tạo như Lê Thị Như Q, Lê Thị Thúy Y, Nguyễn Thị Hoàng T2, Bùi Hồng Đ tiến hành cho học viên làm bài thi. Sau khi đủ bài thi, M báo cáo lại cho Phạm Minh T thì T trực tiếp in, ký, đóng dấu vào Bảng Trung cấp; còn Nguyễn Văn M in, ký Bảng điểm và phát cho học viên. Riêng bảng điểm của học viên Lê Tấn T3 thì M nhờ Phạm Quốc H1 - Phó Giám đốc Trung tâm N5 của trường T12, là em ruột của Phạm Minh T ký giúp.

Về tiền thu được của học viên thì Phạm Minh T khai đã sử dụng vào việc trả lương cho nhân viên và mua sắm trang thiết bị cho Nhà trường, tuy nhiên không có phiếu chi nên không xác định được chi tiết việc chi. Theo lời khai của các học viên và một số phiếu thu đã thu thập được cơ quan điều tra xác định các học viên đã nộp tổng cộng số tiền khoảng 583.500.000 đồng, trong đó: 09 phiếu thu xác định 93.300.000 đồng còn lại là lời khai các học viên. Hiện tại gia đình Phạm Minh T đã tự nguyện giao nộp số tiền 582.000.000 đồng để Cơ quan điều tra xử lý theo quy định.

Cơ quan An ninh điều tra đã yêu cầu Trường T12 cung cấp hồ sơ, bài thi, phiếu thu và các tài liệu có liên quan của tất cả các học viên đã được trường cấp bằng Trung cấp. Tuy nhiên hiện tại ngoài 02 hồ sơ của Huỳnh Thị Thu T4 và Dương Thị Ngọc Y1 thì không còn hồ sơ nào khác. Qua điều tra xác định trách

nhiệm quản lý hồ sơ thuộc về Phòng Đào tạo, trực tiếp là Nguyễn Văn M. Tuy nhiên, tiến hành ghi lời khai hai bị can và đối tượng có liên quan đều cho rằng quá trình chuyển trụ sở từ đường L đến đường H, TP Q vào cuối năm 2021 đã làm thất lạc các hồ sơ, tài liệu trên.

Quá trình điều tra đã xác minh thêm các trường hợp được Trường T12 cấp bằng cụ thể như sau:

- 02 trường hợp là cán bộ do Sở Giáo dục và Đào tạo tuyển dụng, hiện 01 trường hợp còn công tác, 01 trường hợp đã nghỉ việc, cụ thể:

+ Đặng Quỳnh T5, sinh năm 1988, nơi ĐKKHKT: Xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi hiện là Nhân viên Y tế Trường Trung học phổ thông huyện S, được cấp Bằng Trung cấp Y Sĩ đa khoa.

+ Nguyễn Thị Mỹ T6, sinh năm 1988, nơi ĐKKHKT: Thôn Đ L, tỉnh Quảng Ngãi, trước đây là Nhân viên văn thư Trường Trung học phổ thông huyện B, được cấp Bằng Trung cấp Văn thư - lưu trữ (hiện nay đã nghỉ việc).

- 01 trường hợp đang nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề tại Sở Y tế tỉnh Q, nhưng chưa được Sở Y tế cấp, đó là: Nguyễn Tấn D, sinh năm 1988, nơi ĐKKHKT: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp Bằng Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền và Trung cấp Dược sĩ.

- 01 trường hợp cán bộ đang công tác tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đó là: Lê Tấn T3, sinh năm 1976, nơi ĐKKHKT: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, hiện là Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã B, được cấp Bằng Trung cấp Dịch vụ pháp lý (luật).

Ngoài ra tiến hành Trung cầu giám định phục hồi dữ liệu điện tử máy tính và điện thoại của hai bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn M phát hiện 31 trường hợp được cấp 32 bằng Trung cấp, gồm:

Nguyễn Thị Thu T7, sinh năm 1982, nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp Bằng Trung cấp bảo vệ thực vật.

1. Hồ Ngọc P1, sinh năm 1997, nơi ĐKKHKT: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Điện Công nghiệp và Dân dụng.

2. Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1991, nơi ĐKKHKT: Phường Q, TP ., tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp chuyên nghiệp sư phạm mầm non.

3. Nguyễn Thị Thu D1, sinh năm 1981, Nơi ĐKTT: Xã T, huyện S, tỉnh Q, được cấp bằng Trung cấp Sư phạm Mầm non.

4. Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1998, Nơi ĐKTT: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Sư phạm Mầm non.

5. Phạm Thị N1, sinh năm 1992, Nơi ĐKTT: Xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Sư phạm Mầm non.

6. Nguyễn Thị H3, sinh năm 1994, Nơi ĐKTT: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp sư phạm Tiểu học.

7. Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm 1997, Nơi ĐKTT: Xã T, Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Sư phạm Mầm non.
8. Dương Thị Hồng V, sinh năm 1993, Nơi ĐKTT: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp sư phạm Mầm non
9. Đinh Thị S, sinh năm 1998, Nơi ĐKTT: Xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Sư phạm Mầm non.
10. Nguyễn Thị Kim H4, sinh năm 1991, Nơi ĐKTT: Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Sư phạm Mầm non.
11. Nguyễn Thị Mỹ H5, sinh năm 1990, Nơi ĐKTT: Thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp chế biến món ăn.
12. Nguyễn Thái D2, sinh năm 1990, nơi ĐKTT: Xã P, thị Xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Y sĩ đa khoa.
13. Đinh Thị Hồng P2, sinh năm 1995, nơi ĐKTT: Thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Dược sĩ.
14. Phạm Thị V1, sinh năm 1992, nơi ĐKTT: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Y sĩ đa khoa và Trung cấp Dược sĩ.
15. Lê Văn Đ1, sinh năm 1991, nơi ĐKTT: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Y học cổ truyền.
16. Lê Ngô T8, sinh năm 1982, nơi ĐKTT: Xã T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Công nghệ kỹ thuật cơ khí (đi khỏi địa phương).
17. Nguyễn Thị Hiền D3, sinh năm 1992, nơi ĐKTT: Phường K, quận N, Tp Đà Nẵng, được cấp bằng Trung cấp sư phạm Mầm non.
18. Trương Quỳnh C4, sinh năm 2002, nơi ĐKTT: Xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình, được cấp bằng Trung cấp sư phạm Mầm non.
19. Nguyễn Đăng Đ2, sinh năm 1990, nơi ĐKTT: Xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai, được cấp bằng Trung cấp y học cổ truyền. (Không thu giữ được bằng).
20. Lý Thị Thùy H6, sinh năm 1967, nơi ĐKTT: Phường N, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp Dược sĩ. (mất bằng).
21. Phạm Thị T9, sinh năm 1997, nơi ĐKTT: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp sư phạm Mầm non. (đã mất bằng).
22. Nguyễn Huỳnh T10, sinh năm 1993, nơi ĐKTT: Phường L, Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp quản lý nhân sự.
23. Nguyễn Tấn Â, sinh năm 1983, nơi ĐKTT: Phường Q, Tp Q, tỉnh Bình Định, được cấp bằng Trung cấp Dược sĩ.
24. Phạm Văn N3, sinh năm 1998, nơi ĐKTT: Xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai, được cấp bằng Trung cấp Y sĩ đa khoa (đã mất bằng).
25. Trần Mạnh L1, sinh năm 1989, nơi ĐKTT: Phường Q, quận H, TP Hà Nội, được cấp bằng Trung cấp Y sĩ đa khoa.

26. Đồng Tiến M1, sinh năm 1998, nơi ĐKTT: Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, được cấp bằng Công nghệ Thông tin (đi khỏi địa phương không rõ đang ở đâu).

27. Phạm T11, sinh năm 1998, không xác định được nhân thân lai lịch.

28. Nguyễn Văn K, sinh năm 1983, không xác định được nhân thân lai lịch.

29. Trần Thị N4, sinh năm 1993, nơi ĐKTT: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp bằng Trung cấp dược sĩ (đã mất bằng).

Như vậy từ năm 2019 đến đầu năm 2022, Trường T12 do T là Hiệu trưởng đã cấp cho 36 học viên với 38 bằng Trung cấp giả. Cơ quan an ninh điều tra đã thu được 27 bằng; còn 11 bằng không thu giữ được do học viên làm thất lạc hoặc không xác minh được nhân thân lai lịch các học viên.

Những nội dung khác liên quan đến vụ án:

Đối với những người mua, sử dụng các bằng trung cấp xuất phát từ nhu cầu cần có bằng để sử dụng để nộp vào các cơ quan nhà nước có dấu hiệu của tội “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điều 341 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra vụ án Cơ quan An ninh điều tra đã cơ bản thu hồi toàn bộ các bằng tốt nghiệp và bằng điểm gốc và những người này sau khi làm việc với Cơ quan điều tra đã nhận thức được hành vi vi phạm của mình, tích cực hợp tác để điều tra, giải quyết nhanh vụ án nên xét thấy không đặt ra vấn đề xử lý hình sự những người này trong vụ án.

Đối với những người không làm việc tại cơ quan, tổ chức và chưa sử dụng bằng của Trường T12 cơ quan điều tra không xử lý hình sự những người này là có căn cứ. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc, giáo dục, thông báo hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, những người này sau khi làm việc đã nhận thức được việc cấp bằng không trải qua tuyển sinh, đào tạo là không đúng quy định pháp luật. Nên không xem xét trách nhiệm hình sự những người này trong vụ án.

Về kết quả giám định:

- Kết luận giám định số 374/KL-KTHS ngày 09/5/2022; Kết luận giám định số 791/KL-KTHS ngày 31/8/2022; Kết luận giám định số 1093/KL-KTHS ngày 07/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Q. Kết luận: Chữ ký trên 27 Bằng Trung cấp là do Phạm Minh T ký ra.

- Kết luận giám định số 473/KL-KTHS ngày 14/6/2022; Kết luận giám định số 790/KL-KTHS ngày 22/8/2022; Kết luận giám định số 1092/KL-KTHS ngày 02/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Q. Kết luận: Chữ ký trên 27 bằng điểm do Trường T12 cấp là do Nguyễn Văn M ký ra (26 Bằng điểm) và Phạm Quốc H1 ký ra (01 Bằng điểm). Hình dấu trên Bằng Trung cấp, Bằng điểm, Phiếu thu đều do Con dấu của Trường T12 đóng ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Phạm Minh T 07 (bảy) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 12/01/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Nguyễn Văn M 07 (bảy) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 12/01/2023.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 41; khoản 5 Điều 359 của Bộ luật Hình sự: cấm các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn M đảm nhiệm chức vụ hoặc làm những công việc liên quan đến tuyển sinh, đào tạo 03 (ba) năm sau khi đã thi hành án xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2023, các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, cả 02 bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại số lượng văn bằng và số tiền thu lợi, cũng như việc sử dụng khoản tiền này, đồng thời áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Phạm Minh T còn cung cấp hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo đang mắc một số bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe; bị cáo M cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với Cách mạng và bị cáo có thành tích trong phòng chống định bệnh Covid-19.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết số lượng văn bằng, bằng điểm và số tiền thu lợi; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 359 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn tố tụng quy định, cả 02 bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M đều có Đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Do đó,

theo quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Đơn kháng cáo của các bị cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến đầu năm 2022, vì muốn có tiền để chi cho hoạt động của Nhà trường nên Phạm Minh T – Hiệu trưởng Trường T12 đã bàn bạc và thống nhất với Nguyễn Văn M – Phó Trưởng phòng đào tạo thực hiện việc cấp bằng cho học viên không qua quá trình tuyển sinh, đào tạo theo quy định, mà chỉ yêu cầu học viên làm các bài thi để hoàn thiện hồ sơ. Nguyễn Văn M lên mạng Internet tải đề thi theo Chương trình khung của Bộ G và Bộ L3, yêu cầu một số nhân viên Phòng đào tạo tiến hành cho học viên làm bài thi. Sau khi đủ bài thi, M báo cáo lại cho T thì T trực tiếp in, ký, đóng dấu vào Bằng Trung cấp; Minh in, ký Bằng điểm và phát cho học viên. Quá trình điều tra xác định, T và M cấp 38 Bằng Trung cấp sai sự thật, không đúng quy định cho 36 học viên. Các học viên đã nộp tổng cộng số tiền khoảng 583.500.000 đồng (năm trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi phạm tội của Phạm Minh T và Nguyễn Văn M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, gây dư luận xấu cho xã hội. Do đó, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã kết án các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Phạm Minh T là Hiệu trưởng Trường T12, biết rõ việc cấp văn bằng, bằng điểm không qua chương trình đào tạo, nội dung thông tin ghi trên văn bằng, bằng điểm sai sự thật là hành vi cấp bằng giả, nhưng vì muốn có kinh phí hoạt động cho Nhà trường nên bị cáo đã lợi dụng chức vụ là Hiệu trưởng để ký và cấp 38 bằng giả cho 36 học viên; do đó, trong vụ án này, bị cáo giữ vai trò cao hơn. Nguyễn Văn M, với chức vụ là Phó Trưởng phòng đào tạo đã thực hiện theo sự chỉ đạo của T, yêu cầu nhân viên Phòng đào tạo thực hiện hoàn tất hồ sơ học viên, tổ chức làm bài thi để đối phó với cơ quan chức năng, làm giả Bằng điểm để cấp cho các học viên. Bị cáo giữ vai trò là người thực hành, đồng phạm với Phạm Minh T. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng; số lượng văn bằng, bằng điểm giả mà các bị cáo cấp cho học viên lớn hơn nhiều so với mức khởi điểm (11 giấy tờ giả) quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 của Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[2.3.1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Phạm Minh T và Nguyễn Văn M đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T đã tác động gia đình nộp lại số tiền 582.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; bị cáo có bố đẻ và vợ là giáo viên, được Bộ G đào tạo tặng nhiều giấy khen; quá trình sinh sống, bị cáo thực hiện nhiều hoạt động thiện nguyện, nhân đạo được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận. Bị cáo Nguyễn Văn M nộp số tiền 1.500.000 đồng từ việc cấp bằng không đúng quy định để sung quỹ Nhà nước; bị cáo có thành tích trong

phong trào thi đua yêu nước, được Chủ tịch UBND xã B, huyện B tặng giấy khen; gia đình của bị cáo có công với cách mạng; bị cáo thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của bị cáo T. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó áp dụng thêm quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.3.2]. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, tình tiết này là dấu hiệu định tội của tội “Giả mạo trong công tác”, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm loại bỏ việc áp dụng tình tiết này khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[2.4]. Về mức hình phạt: các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 của Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 12 đến 20 năm tù, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo Phạm Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn M 07 (bảy) năm tù là đã xem xét cho các bị cáo được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Việc cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự cũng không làm giảm nhẹ hơn đáng kể trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ mới nào đến mức phải xem xét giảm nhẹ hơn nữa trách nhiệm hình sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn M, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 38; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

- Phạm Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 12/01/2023. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoặc làm những công việc liên quan đến tuyển sinh, đào tạo 03 (ba) năm sau khi đã thi hành xong hình phạt tù.

- Nguyễn Văn M 07 (bảy) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 12/01/2023. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoặc làm những công việc liên quan đến tuyển sinh, đào tạo 03 (ba) năm sau khi đã thi hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc Phạm Minh T và Nguyễn Văn M phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các bị cáo (mỗi bị cáo 01 bản, theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công